

Bản án số: 78/2024/DS-ST

Ngày: 19-9-2024

v/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Văn Trình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyên Khang là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ông Ngô Văn B - Sinh năm: 1959. Địa chỉ: Số F đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Trần Văn K - Sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số A đường B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Văn B trình bày:

Ông và ông Trần Văn K ở cùng xóm với nhau. Do đó, ngày 20/02/2020, ông có cho ông Trần Văn K vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay tiền thì ông có ghi giấy mượn tiền và ông K có ký tên xác nhận, theo đó thời gian trả là 02 tháng, mục đích vay là mua xe máy cho con gái đi làm, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 20/8/2020, ông K tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng nên tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng, và ghi chèn ở bên dưới giấy mượn tiền ngày 20/02/2020. Khi đến hạn trả nợ, ông đã nhiều lần yêu cầu ông K thanh toán số tiền đã vay nhưng ông K cứ hẹn đi hẹn lại nhiều lần, không chịu thanh toán. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn K phải trả cho ông tổng số tiền 26.700.000 đồng, trong đó: nợ gốc: 25.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/5/2024 đến ngày 01/8/2024 là: 25.000.000 đồng x 1,7%/tháng x 4 tháng = 1.700.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/8/2024, nguyên đơn ông **Ngô Văn B** có đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, theo đó ông xin rút yêu cầu tính lãi, không yêu cầu ông **K** phải trả số tiền lãi từ ngày 01/5/2024 đến ngày 01/8/2024 là 1.700.000 đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18/9/2024, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông **Trần Văn K** trả lại cho ông **Ngô Văn B** số tiền nợ 25.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền 1.700.000 đồng. Ông chỉ yêu cầu ông **K** trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

*Đối với bị đơn ông **Trần Văn K***: Mặc dù ông **Trần Văn K** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông **Trần Văn K** vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Ngô Văn B**.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đình chỉ đối với số tiền lãi 1.700.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2024 thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ: **Số A đường B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Nguyên đơn ông **Ngô Văn B** vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự,

HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông **Ngô Văn B**. Bị đơn ông **Trần Văn K** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông **Trần Văn K**.

[4] Nguyên đơn ông **Ngô Văn B** rút yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2024 đến ngày 01/8/2024, lãi suất 1,7%/tháng là 1.700.000 đồng. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi 1.700.000 đồng.

Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về buộc ông **Trần Văn K** thanh toán số nợ gốc 25.000.000 đồng.

[5.1] Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là Bản chính giấy mượn tiền ngày 20/02/2020 do ông **Ngô Văn B** ghi nội dung và ông **Trần Văn K** ký tên thể hiện: Ngày 20/02/2020, ông **Trần Văn K** có vay của ông **Ngô Văn B** số tiền 20.000.000 đồng và hẹn trả trong vòng 02 tháng từ “ngày 30/2/2020 đến ngày 30/4/2024”. Sau đó ngày 20/8/2020, ông **K** có tiếp tục vay tiền của ông **B** số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng 02 đợt là 25.000.000 đồng, nội dung này được ghi tiếp vào góc bên trái giấy mượn tiền ngày 20/02/2020 và ông **K** có ký tên xác nhận.

[5.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **B** trình bày trong giấy mượn tiền đề ngày 20/02/2020, chỗ nội dung hẹn trả trong vòng thể hiện là “02 tháng từ ngày 30-2-2020 đến ngày 30-4-2024” là do ông ghi nhầm, chứ đúng là ngày 20/02/2020 đến ngày 20/4/2020. Bị đơn ông **Trần Văn K** không tham gia quá trình tố tụng, đồng thời cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho tòa án. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Hơn nữa, theo xác minh ở địa phương thì giữa ông **K** và ông **B** có xảy ra tranh chấp về việc vay tiền. Như vậy, mặc dù nội dung thời hạn vay tiền ghi không thống nhất: ghi 2 tháng nhưng kể từ ngày “02 tháng từ ngày 30-2-2020 đến ngày 30-4-2024”, nhưng tại thời điểm ông **B** khởi kiện là ngày 22/7/2024 (ngày nộp đơn khởi kiện tại tòa án) thì ông **K** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[5.3] Do đó, HĐXX có căn cứ xác định: Hợp đồng vay tài sản được ký kết ngày 20/02/2020 giữa ông **Ngô Văn B** và ông **Trần Văn K** là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng nêu trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ, thuộc loại hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông **Ngô Văn B** đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông **Trần Văn K** không thực hiện. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông **Trần Văn K** thanh toán số tiền nợ là 25.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 466 và 470 Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, đình

chỉ xét xử đối với số tiền lãi 1.700.000 đồng, ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên HĐXX chấp nhận

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Ngô Văn B.**

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông **Trần Văn K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 25.000.000 = 1.250.000$ đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Ngô Văn B** đối với ông **Trần Văn K** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông **Trần Văn K** phải thanh toán cho ông **Ngô Văn B** số tiền nợ là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông **Trần Văn K** trả số tiền lãi 1.700.000 đồng của nguyên đơn ông **Ngô Văn B.**

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Trần Văn K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông **Ngô Văn B** được miễn tạm ứng án phí, án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Tuyên